TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: số 65/11/3, đường T.P, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trương Tấn L,** sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 65/4 đường T.P, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2019 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Chị và anh Trương Tấn L tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 1999, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2003.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 9/2014 và sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình, ngoài ra chị còn biết được anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tình cảm với nhau. Chị đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: có 02 người con chung tên Trương Đại Ph, sinh ngày 28/4/1999 và Trương Vân A, sinh ngày 19/7/2003. Chị V tự nguyện giao người con chung tên Trương Vân A cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Trương Đại Ph đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V Xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 15/7/2019, ông Lê Huỳnh S – Trưởng ban khu phố V.T.S, phường V.T cung cấp nội dung sự việc như sau: Đương sự Trương Tấn L và Nguyễn Thị Thanh V là vợ chồng, cùng sinh sống tại địa chỉ số 65/4 đường T.P, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống, giữa anh L và chị V có xảy ra mâu thuẫn với nhau hay không thì địa phương không nắm rõ vì không có đến trụ sở khu phố hòa giải tình cảm vợ chồng lần nào. Nhưng khoảng 06 năm nay thì anh L và chị V không còn chung sống với nhau nữa vì chị V đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Hiện anh L đang sinh sống với con và một, hai người trong gia đình, ngoài ra anh L có sinh sống với người phụ nữ nào khác nữa hay không thì địa phương không nắm rõ.

- Tại biên bản xác minh lập ngày 31/7/2019, người con chung của anh L và chị V là Trương Đại Ph cung cấp nội dung sự việc như sau: Trong thời gian chung sống tại địa chỉ số 65/4 đường T.P, phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang thì anh L và chị V thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tài chính gia đình, đến năm 2013 thì chị V bỏ nhà đi làm ở huyện P.Q, tỉnh Kiên Giang và không còn chung sống với anh L đến nay khoảng 06 năm. Trong thời gian chị V đi làm ở huyện P.Q, tỉnh Kiên Giang có dẫn một người phụ nữ tên Ng (không rõ họ tên, địa chỉ) về nhà chung sống

như vợ chồng, Trương Đại Ph và Trương Vân A vẫn sống chung trong nhà nên đã chứng kiến sự việc đó. Hiện nay, anh L không còn sống chung trong nhà với bà Ng nhưng anh L vẫn qua lại bên ngoài với bà Ng.

- Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 27/6/2019, người con chung tên Trương Vân A trình bày: Muốn được cha là anh L tiếp tục nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án chưa có Quyết định phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện, cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án sau này. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – anh Trương Tấn L nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Trương Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy

định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Trương Tấn L.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị V và anh L tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2003; như vậy, việc kết hôn của chị V và anh L đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị V cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, kinh tế gia đình, ngoài ra chị còn biết được anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tình cảm với nhau nên chị V yêu cầu ly hôn với anh L. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc được xác minh đối với ông Lê Huỳnh S và người con chung của anh L và chị V là Trương Đại Ph. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – chị V đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn – anh L không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[2] Về con chung: Chị V tự nguyện giao người con chung tên Trương Vân A, sinh ngày 19/7/2003 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Trương Đại Ph đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét ý chí tự nguyện này phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003817, ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị V không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn với anh Trương Tấn L.

- Về con chung: Giao người con chung tên Trương Vân A, sinh ngày 19/7/2003 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị V không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Trương Đại P đã trưởng thành, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị V.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị V xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003817, ngày 10/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị V không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND P. V.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân